

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT23B4** Năm học: **24-25**
Mã MH/MĐ: **MD03299** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Vẽ đồ họa 2D**
Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354801024429	Nguyễn Văn Gia	Bảo	09/09/2008				7	9.0	6.0			8.0		7.8
2	2354801024430	Nguyễn Văn	Cảnh	06/03/2008				9	9.0	8.0			8.0		8.2
3	2354801024431	Cao Khánh	Duy	25/03/2008				7	9.0	7.0			8.0		7.9
4	2354801024435	Nguyễn Nhựt	Hanh	10/12/2006				8	7.0	7.0			7.5		7.4
5	2354801024436	Phạm Thanh	Hiên	06/06/2008				8	8.0	7.0			7.0		7.2
6	2354801024437	Trần Bảo	Huy	26/02/2008				7	9.0	7.0			8.5		8.2
7	2354801024438	Lương Văn	Khánh	23/11/2008				7	9.0	7.0			7.0		7.3
8	2354801024439	Võ Tuấn	Kiệt	14/08/2008				7	8.0	7.0			7.0		7.2
9	2354801024440	Trần Nguyễn Thiên	Kim	11/07/2008				9	9.0	8.0			9.0		8.8
10	2354801024442	Nguyễn Khánh	Linh	18/02/2008				7	8.0	7.0			7.0		7.2
11	2354801024443	Nguyễn Ngọc Cẩm	Ly	28/10/2008				7	7.0	6.0			7.0		6.8
12	2354801024444	Nguyễn Thị Kiều	My	01/11/2008				7	7.0	7.0			7.5		7.3
13	2354801024445	Nguyễn Hoài	Nam	13/09/2008				8	8.0	7.0			7.5		7.5
14	2354801024446	Lê Khánh	Ngọc	01/02/2008				6	6.0	7.0			7.0		6.8
15	2354801024447	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/09/2008				7	8.0	7.0			8.0		7.8
16	2354801024448	Võ Thị Thúy	Nhi	29/11/2008				7	6.0	8.0			7.0		7.0
17	2354801024449	Lê Bảo	Phát	03/09/2008				7	9.0	7.0			7.5		7.6
18	2354801024451	Đào Văn	Đoàn	06/10/2007				7	9.0	7.0			8.0		7.9
19	2354801024453	Nguyễn Bảo Kim	Thanh	04/05/2008				8	7.0	7.0			7.0		7.1
20	2354801024455	Nguyễn Minh	Thư	04/09/2008				6	6.0	7.0			7.0		6.8
21	2354801024457	Võ Thị Huyền	Trân	21/06/2008				8	9.0	9.0			8.0		8.3
22	2354801024458	Nguyễn Bảo	Trọng	13/10/2008				8	9.0	7.0			8.5		8.3
23	2354801024459	Thái Minh	Trung	29/01/2008				8	8.0	8.0			8.0		8.0
24	2354801024460	Lê Triệu	Vý	20/11/2008				7	8.0	7.0			7.0		7.2

Châu Đốc, ngày 21 tháng 11 năm 2024

TP. Đào tạo **Giáo viên giảng dạy**

Ths. Trần Thanh Dũng **Lý Thành Luân**